

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2008–2015 và tầm nhìn đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 26/11/2005;

Căn cứ chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Căn cứ Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường, thị trấn từ năm 2005-2010;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 710/TTr-STNMT ngày 02/04/2008 V/v đề nghị phê duyệt chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến năm 2020, định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng đại diện Chương trình Semla tại Việt Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB) (b/c);
- Đại diện Chương trình Semla tại Việt Nam (b/c);
- TTr Tỉnh Ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Như Điều 4 (t/h);
- UBMTTQ tỉnh và các thành viên;
- TTr HĐ Thi đua – khen thưởng tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo BR-VT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu VT, V1, STNMT;

51

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN *thanh*



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Thới
Trần Ngọc Thới

CHIẾN LƯỢC

Truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2008 – 2015 và tầm nhìn 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2008/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 6 năm 2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

I. GIỚI THIỆU CHUNG :

1. Sự cần thiết phải xây dựng chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng (TTNCNTCĐ);

Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có diện tích tự nhiên là 197.515 ha, dân số khoảng 885 nghìn người (năm 2003). Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bà Rịa Vũng Tàu có nhiều tiềm năng và lợi thế về vị trí địa lý, đất đai và hạ tầng kỹ thuật để phát triển kinh tế đặc biệt là các ngành du lịch, cảng biển, khai thác dầu khí, sản xuất điện, đạm, chế biến hải sản,... Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bà Rịa- Vũng Tàu khá cao, tăng trưởng GDP đạt 12.98% /năm trong những năm 2001-2005 (nếu không kể dầu khí thì tăng 21%). Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã có qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2006 -2010 trong đó các chỉ tiêu phát triển là khá cao như: tăng trưởng GDP trung bình/năm giai đoạn 2006-2010 khoảng 11-11.5% (không tính dầu khí tăng khoảng 17%), GDP bình quân đầu người đạt khoảng 8.400 USD, gấp 2,3 lần so với 2000. Qui mô dân số tới 2010 là 1.026.000 người, trong đó đô thị 57,27%, nông thôn 42.73%; đến năm 2020 tổng dân số khoảng 1.180.000 người.

Để đảm bảo cho việc thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội song song với nhiệm vụ phát triển bền vững, UBND Tỉnh đã có quyết định số 4592/QĐ-UBND phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường tới năm 2015 và tầm nhìn 2020 trong đó có một số điểm chính như: *lựa chọn công nghệ sạch, cụ thể hoá các qui định về nhập khẩu công nghệ thiết bị; qui hoạch phù hợp đối với các nhà máy chế biến, nuôi trồng hải sản; phát triển công nghiệp, du lịch...; phân vùng môi trường để có các biện pháp phù hợp; bảo vệ các vùng sinh thái trọng yếu là sinh thái duyên hải, sinh thái rừng quốc gia, sinh thái biển-đảo và sinh thái nông nghiệp.* Đối với quản lý đất đai, Tỉnh có quan điểm: Sử dụng hợp lý và tiết kiệm quỹ đất và tổ chức không gian lãnh thổ trong đó định hướng tới 2010, một số diện tích đất nông nghiệp sẽ được chuyển đổi vào mục đích giao thông, đô thị và công nghiệp. Qui hoạch đất lâm nghiệp tới năm 2020 sẽ còn khoảng 36.684 ha. Tăng đất chuyên dùng và đất ở lên khoảng 21.84% đến năm 2010 và lên 23.44% vào năm 2020 cho phù hợp với qui hoạch phát triển.

Bà Rịa - Vũng Tàu đang đứng trước các cơ hội cũng như các thách thức cho việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, giải quyết

các vấn đề môi trường trước mắt cũng như định hướng phát triển bảo vệ môi trường cho phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, việc giải quyết các vấn đề về phát triển qui hoạch và quản lý qui hoạch sử dụng đất cũng đang là các thách thức lớn cho các cấp chính quyền các ban ngành của tỉnh. Để giải quyết các thách thức này, một trong những yêu cầu quan trọng là phải có sự đồng thuận của người dân, thể hiện qua việc thay đổi hành vi lối sống lành mạnh góp phần giải quyết các vấn đề môi trường cũng như quản lý đất đai. Trong thời gian gần đây, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã có rất nhiều cố gắng trong các hoạt động TTNCNTCĐ về đất đai và môi trường, tuy nhiên việc định hướng các hoạt động TT trong một kế hoạch tổng thể và dài hạn được lồng ghép với các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt việc lồng ghép các hoạt động TT giữa các ban ngành còn chưa được hình thành một cách rõ nét. Vì vậy việc phát triển Chiến lược TTNCNTCĐ để làm cơ sở cho các hoạt động TT sẽ được triển khai là cần thiết.

2. Cơ sở pháp lý để xây dựng chiến lược TTNCNTCĐ:

- Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2005;
- Nghị quyết 41/NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 19/12/2003 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.
- Nghị quyết 61/NQ/TW ngày 07/12/2007 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban bí thư Trung ương Đảng (khoá IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân.
- Quyết định số 219/2005/QĐ –TTg ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin đến năm 2010;
- Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân ở xã, phường thị trấn từ năm 2005 đến năm 2010;
- Quyết định số 4592/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2005 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.- Chỉ thị số 19/2006/CT-UBND ngày 30/6/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc thực hiện Chỉ thị số: 05/2006/CT-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về khắc phục yếu kém, sai phạm, tiếp tục đẩy mạnh tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Chỉ thị số 12/2006/CT-UBND ngày 06/4/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc tổ chức triển khai Luật Bảo vệ môi trường;

3. Phạm vi của chiến lược:

Chiến lược TTNCNTCĐ về chính sách pháp luật đất đai và môi trường được áp dụng cho các cấp chính quyền, các ban ngành, các đoàn thể xã hội có liên quan đến hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng.

Hiệu quả của hoạt động truyền thông chính là nhận thức của mọi tầng lớp dân cư trong tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: đô thị- nông thôn; công nhân viên chức- nông dân; người già - trẻ em, người dân tộc thiểu số, các tổ chức kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh. Nhận thức này sẽ làm chuyển biến thành lối sống, hành vi lành mạnh và tích cực tham gia vào công tác bảo vệ môi trường, chấp hành tốt các chủ chương chính sách về đất đai, tham gia tích cực vào công tác quy hoạch sử dụng đất.

Giai đoạn thực hiện của chiến lược truyền thông sẽ từ 2008 đến 2015 và định hướng tới năm 2020.

4. Xác định hình thức và công cụ truyền thông của chiến lược

Truyền thông là quá trình trao đổi thông tin, ý tưởng, tình cảm, suy nghĩ, thái độ giữa hai hoặc một nhóm người với nhau để đạt được sự hiểu biết lẫn nhau. Điều quan trọng nhất của truyền thông là “chia sẻ/trao đổi” thông tin hai chiều giữa hai hay nhiều người. Quá trình truyền thông là một quá trình thông tin hai chiều, đòi hỏi dòng thông tin truyền đi phải có phản hồi và được duy trì giữa hai hay nhiều người.

Nhóm đối tượng của Chiến lược này sẽ phải phản hồi các thông tin mà họ nhận được, truyền tải chúng đến những đối tượng khác. Điều này có nghĩa là các nhóm đối tượng và các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh phải tham gia vào Chiến lược truyền thông NCNTCĐ về ĐĐMT nhằm trao đổi các thông tin về quản lý ĐĐ và BVMT-đảm bảo đạt được các mục tiêu Chiến lược TTNCNTCĐ này đề ra và đạt được các mục tiêu được đưa ra trong Chiến lược BVMT và các chính sách đất đai liên quan khác của tỉnh.

Chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường sử dụng các công cụ truyền thông chính như:

- Truyền thông - dạng in ấn và điện tử
- Đào tạo, tập huấn
- Giao lưu trực tiếp thông qua các tài liệu đã được viết.

Truyền thông: Truyền thông bao gồm tất cả các công cụ in ấn và điện tử hiện có ở cấp quốc gia và cấp tỉnh: tạp chí, báo, TV, đài, và các trang điện tử.

Đào tạo: Đào tạo ở đây có nghĩa là tích cực phổ biến kiến thức mà giảng viên có được cho những người chưa có kiến thức đó nhằm mục đích đưa họ tham gia và tạo điều kiện cho họ thay đổi hành vi của mình.

Giao lưu trực tiếp: Giao lưu trực tiếp là tất cả các hoạt động truyền thông trong đó các cá nhân tìm cách đối thoại với những người khác nhằm giải

thích cho họ một vấn đề nào đó - trong trường hợp này là ĐĐMT. Trong trường hợp đối thoại có thể sử dụng các tài liệu đã in sẵn như tờ rơi, bộ tài liệu v.v.

II. BỐI CẢNH XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Thực trạng về công tác quản lý, sử dụng đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và những thách thức, áp lực trong quá trình phát triển.

a) *Thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai và môi trường*

Đất đai và môi trường luôn là những vấn đề nổi cộm, nhạy cảm và rất phức tạp, được nhân dân địa phương rất quan tâm. Nếu như quyền sử dụng đất là một loại tài sản đặc biệt, thiêng liêng gắn bó với đời sống người dân; thì môi trường lại ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của con người. Số lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai và môi trường hàng năm không giảm, chiếm tỷ lệ đa số các khiếu nại tố cáo của người dân gửi đến các cơ quan nhà nước yêu cầu giải quyết, đặc biệt là đất đai.

Thực trạng sử dụng đất đai, môi trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nơi đã đến lúc phải báo động. Hiện tượng lấn chiếm đất đai giữa các hộ gia đình, đã diễn ra nhiều (đặc biệt ở các vùng nông thôn của tỉnh); việc sử dụng đất đai trái phép như: tự ý sử dụng đất khi chưa được cơ quan nhà nước cho phép, tự ý chuyển nhượng không tiến hành các trình tự thủ tục qua cơ quan có thẩm quyền; sử dụng đất không đúng mục đích được giao, không đúng quy hoạch, khai thác đất bừa bãi đã diễn ra rất nhiều địa phương trong tỉnh. Mặt khác, việc đền bù giải toả, giải phóng mặt bằng trong quá trình xây dựng các công trình, dự án chưa thoả đáng hoặc do người dân còn không hiểu hết về các chủ trương, chính sách dẫn đến các khiếu kiện, dây dưa không chịu di chuyển, làm ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án cần mặt bằng.

Môi trường đang bị xuống cấp nghiêm trọng, đất đai bị xói mòn, thoái hóa, chất lượng các nguồn nước suy giảm mạnh, không khí ở đô thị, ở nhiều khu dân cư bị ô nhiễm nặng. Tại một số nhà máy sản xuất, chất thải không được xử lý gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cho khu dân cư xung quanh, làm ô nhiễm nguồn nước, nhất là sông Thị Vải đang bị đe dọa. Sự suy thoái môi trường sinh thái gắn liền với sự suy kiệt nguồn tài nguyên và giảm tính đa dạng sinh học, điều kiện vệ sinh môi trường nhiều nơi không đảm bảo. Đặc biệt tại các khu vực phát triển kinh tế tập trung như các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa được đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục công trình bảo vệ môi trường. Ngoài ra, môi trường nông thôn và bán thành thị trên địa bàn tỉnh, ô nhiễm môi trường xảy ra tại các hộ gia đình, khu dân cư ven biển do việc thiếu kiến thức vệ sinh môi trường trong chăn nuôi, trồng trọt và tình trạng vứt rác bừa bãi của các hộ dân cư ven biển rất phổ biến.

Nguyên nhân của tình trạng trên trước hết là do năng lực quản lý nhà nước về đất đai và môi trường của cán bộ tài nguyên và môi trường còn yếu kém trong nghiệp vụ, chưa nhận thức đúng, đầy đủ về pháp luật đất đai và

môi trường, trách nhiệm quản lý nhà nước chưa cao dẫn đến trong hoạt động quản lý nhà nước đã có các hành vi, quyết định hành chính vi phạm pháp luật xâm phạm đến quyền lợi của công dân.

- Nhận thức của người dân về pháp luật đất đai và môi trường chưa đúng, chưa đầy đủ; nhiều khi các quyết định hành chính, hành vi hành chính của cán bộ đã đúng pháp luật nhưng người dân vẫn có đơn khiếu tố.

- Nhiều quy định về đất đai và môi trường còn chưa phù hợp với thực tế, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đất đai và môi trường hay thay đổi, rườm rà dẫn đến việc các văn bản này một cách hệ thống cũng như hiểu đúng là khó khăn.

- Ý thức của người dân về bảo vệ môi trường và sử dụng đất đai còn bị hạn chế. Một bộ phận không nhỏ người dân biết rõ hành vi lấn chiếm đất đai, sử dụng đất trái phép của mình là vi phạm pháp luật, ô nhiễm môi trường, thậm chí tai họa môi trường bởi những hành vi của họ gây ra nhưng vẫn thực hiện như chặt phá rừng bừa bãi, buôn bán bất động sản quý hiếm, thải các chất độc hại ra môi trường vì lợi ích riêng trước mắt.

- Chế tài thực hiện và việc thực hiện của các cơ quan bảo vệ pháp luật liên quan đến môi trường, đất đai chưa tốt, chưa nghiêm minh.

b) Những thách thức nảy sinh liên quan đến vấn đề phát triển:

Việc phát triển kinh tế xã hội gây tác động không nhỏ đến vấn đề môi trường trên địa bàn tỉnh như:

- Áp lực từ việc gia tăng dân số sẽ gây sức ép đối với việc tập trung giải quyết các tiện ích công cộng như y tế, giáo dục, cấp thoát nước, xử lý rác thải và việc hình thành các công viên cây xanh, khu giải trí,...;

- Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá bên cạnh mang lại lợi ích kinh tế khá rõ nét, nhưng cũng gây áp lực gia tăng dân số cơ học và gây khó khăn trong công tác quản lý hành chính và ngăn ngừa các tệ nạn xuất phát từ các khu dân cư gần các khu công nghiệp, làm chuyển dịch một cách sâu sắc cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế tại các địa phương, làm gia tăng mạnh mẽ các chất thải công nghiệp, một mặt ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, mặt khác tăng áp lực giải quyết các chất thải này.

- Khai thác thủy sản tạo ra nhiều nguồn lợi về kinh tế xã hội, tuy nhiên việc khai thác quá mức và bằng một số phương tiện khai thác huỷ diệt như nổ mìn, giã cào, ... gây nguy cơ làm cạn kiệt nguồn thủy sản, gây mất cân bằng sinh thái, ảnh hưởng đến phát triển bền vững;

- Gia tăng khách du lịch, đồng thời cũng gia tăng chất thải (nhiều nhất là chất thải rắn) cùng với sự phá hại các nguồn tài nguyên nếu không có các biện pháp quản lý thích hợp. Khu vực chịu áp lực nặng nề nhất là các bãi biển (do nước thải và rác thải), nhiều bãi tắm đã có dấu hiệu ô nhiễm chất hữu cơ và dinh dưỡng. Sự suy giảm cảnh quan tự nhiên do hoạt động du lịch không gắn gao, tuy nhiên về lâu dài thì sự thiệt hại là lớn. Ô nhiễm bên ngoài ngành du lịch cũng đe dọa đến tài nguyên ngành du lịch như các chất thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, ...;

- Việc tăng diện tích nuôi tôm, phát triển công nghiệp và hệ thống cảng tại sông Thị Vải cũng là một trong những nguyên nhân chính gây suy giảm diện tích rừng ngập mặn tại đây.

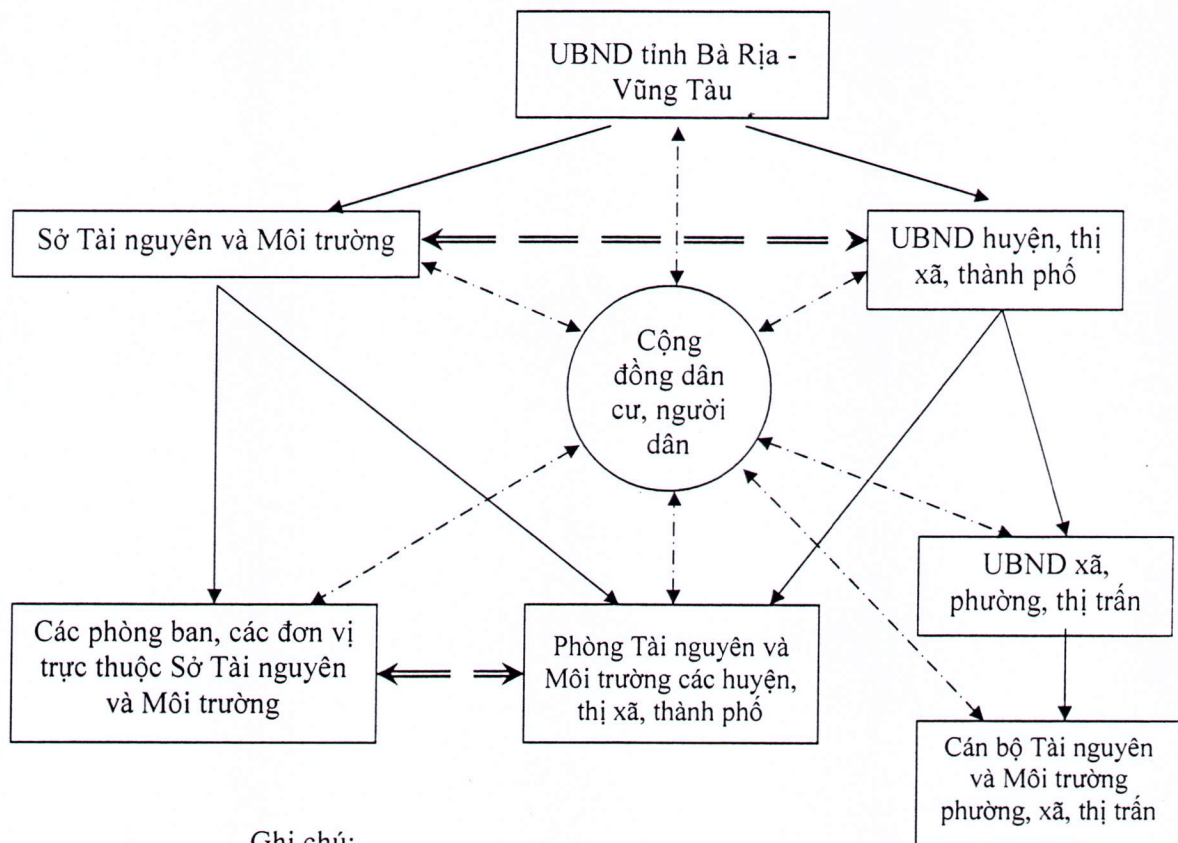
- Áp lực từ việc chuyển đổi một diện tích lớn đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng và việc đô thị hoá cao, trong khi nhận thức của người dân còn thấp. Việc lấy ý kiến nhân dân trong quá trình lập quy hoạch sử dụng đất chi tiết và quy hoạch chi tiết xây dựng chưa được thực hiện hoặc thực hiện còn hình thức, ít hiệu quả, nhiều nơi chưa được coi trọng; việc xây dựng các phương án quy hoạch để lựa chọn chưa thật khách quan.

Việc công bố công khai quy hoạch đã được xét duyệt chưa được coi trọng thực hiện hoặc thực hiện còn hình thức, chưa có hiệu quả.

2. Bối cảnh triển khai hoạt động truyền thông

a) Nhân lực cho truyền thông:

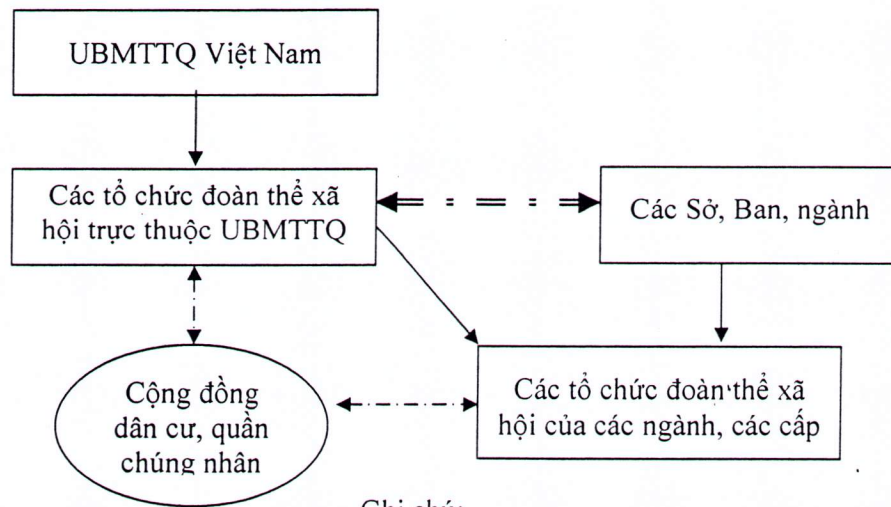
Cơ cấu tổ chức hiện tại của công tác nâng cao nhận thức cộng đồng và truyền thông trong ngành tài nguyên và môi trường ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.



Ghi chú:

- > : Quan hệ chỉ đạo trực tiếp;
- ⇔ : Quan hệ phối hợp thực hiện;
- > : Quan hệ tiếp nhận thông tin phản

Cơ cấu tổ chức liên quan đến hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và truyền thông của các tổ chức, đoàn thể xã hội có liên quan.



Ghi chú:

- > : Quan hệ chỉ đạo trực tiếp;
- ◄==> : Quan hệ phối hợp thực hiện;
- ◄-.-.-> : Quan hệ tiếp nhận thông tin phản hồi

Nhìn chung, cơ chế cho hoạt động truyền thông thường gắn với nhiệm vụ chính trị của ngành, chưa có sự gắn kết điều phối chung cho các hoạt động truyền thông dài hạn và môi trường.

b) Cơ chế tài chính cho các hoạt động truyền thông

Trong thời gian qua, các ngành các cấp đã lồng ghép chức năng nhiệm vụ của đơn vị triển khai hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường thông qua việc tổ chức tập huấn, tổ chức buổi nói chuyện chuyên đề và các hoạt động lồng ghép được cấp trên giao triển khai thực hiện. Đặc biệt từ khi có sự hỗ trợ của Dự án SEMLA về Tăng cường Năng lực Quản lý về Đất đai và Môi trường, các hoạt động truyền thông đã được triển khai một cách hết sức mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Chương trình truyền thông được lồng ghép vào nhiều hoạt động khác nhau, nâng cao nhận thức và thu hút được nhiều đối tượng tham gia, hình thức truyền thông phong phú.

Tuy nhiên cơ chế tài chính cho các hoạt động truyền thông còn bị phân đoạn, đặc biệt chúng chưa được kết phối hợp để tránh những chồng chéo và bổ xung cho các điểm thiếu. Chưa có cơ chế phân bổ tài chính cụ thể hàng năm cho hoạt động truyền thông, hầu hết truyền thông được coi là nhiệm vụ phụ để bổ xung cho các hoạt động chính của các ban ngành. Có nhiều chương trình kế hoạch được phê duyệt nhưng do thiếu các nguồn tài chính để thực hiện; do đó, một số chương trình chỉ hoạt động bề nổi không có chiều sâu, không lôi cuốn được các tầng lớp người dân tham gia. Ngoài ra, các ngành, các cấp thông qua các hoạt động của đơn vị phải tự tìm các nguồn tài trợ để triển khai hoạt động truyền thông về môi trường nên thường bị động.

c) Đánh giá những hoạt động truyền thông đã và đang triển khai

Trong thời gian gần đây, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai và môi trường đã được đẩy mạnh với nhiều hình thức như tập huấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, công bố công khai các chính sách về tài nguyên và môi trường; tổ chức mít tinh, các hoạt động lồng ghép vào hoạt động của các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, Hội, Đoàn thể,... góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về chính sách pháp luật đất đai và môi trường.

Tuy nhiên, công tác truyền thông về đất đai và môi trường còn các hạn chế sau:

- **Văn bản quy phạm pháp luật** : Chưa có văn bản mang tính quy phạm riêng của cơ quan có thẩm quyền cho công tác truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường, nên việc tổ chức hoạt động này còn nhiều hạn chế.

- **Nhân lực cho truyền thông** : Chưa xây dựng đầy đủ mạng lưới báo cáo viên và tuyên truyền viên về đất đai và môi trường từ cấp tỉnh đến huyện và xã. Cán bộ làm công tác tuyên truyền pháp luật đất đai và môi trường ở cơ sở (địa chính, tư pháp, văn hóa thông tin,...) còn hạn chế, lực lượng không ổn định, thiếu kỹ năng và kiến thức pháp luật đất đai và môi trường; thiếu sự hỗ trợ về tài liệu và phương tiện truyền thông.

- **Nâng cao năng lực cho cán bộ của ngành** : Số lượng các lớp tập huấn cập nhật những kiến thức về pháp luật đất đai và môi trường cho cán bộ chủ chốt và cán bộ chuyên môn của ngành ở 03 cấp còn ít, đặc biệt cán bộ tại cấp cơ sở như huyện, xã, một năm chỉ tổ chức từ 01 đến 02 lần (do điều kiện kinh phí còn hạn hẹp).

- **Vai trò của các tổ chức hội, đoàn thể**: Ở cấp tỉnh được chú trọng thông qua các chương trình phối hợp, nhưng ở cơ sở vai trò của hội, đoàn thể chưa được phát huy đúng mức.

- **Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng**: Tuyên truyền về pháp luật đất đai và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài phát thanh, đài truyền hình) có nhiều cố gắng. Trong thời gian vừa qua, với sự hỗ trợ của chương trình SEMAL, Sở TNMT đã kết hợp với đài truyền hình tỉnh tổ chức các buổi phát sóng định kỳ chương trình truyền hình đất đai và môi trường và các buổi tọa đàm trực tiếp trả lời các thắc mắc của người dân về các vấn đề đất đai và môi trường trên địa bàn tỉnh. Các hoạt động này nên được phát huy và duy trì ngay cả khi chương trình SEMLA kết thúc

- **Tài liệu truyền thông** : Biên tập các tài liệu tuyên truyền về pháp luật đất đai và môi trường chủ yếu là biên tập lại các văn bản quy phạm pháp luật có sẵn. Việc chuyển hóa các văn bản quy phạm pháp luật thành các tài liệu đơn giản để cán bộ làm công tác truyền thông ở cơ sở và cộng đồng dân cư có thể hiểu được còn hạn chế, nên hiệu quả truyền thông trong cộng đồng chưa cao; chưa sử dụng nhiều hình thức truyền thông như tờ rơi,

panô, áp phích. Các điểm thông tin cơ sở chưa được quan tâm đầu tư, người dân tiếp cận còn rất chể.

- **Truyền thông cho doanh nghiệp:** Mặc dù có nhiều chính sách, quy định về sử dụng đất đai, tiêu chuẩn môi trường trong doanh nghiệp, nhưng việc theo dõi áp dụng, phản hồi của doanh nghiệp đối với các chính sách đó chưa thật chặt chẽ. Lãnh đạo doanh nghiệp chủ yếu tự nghiên cứu, thu thập thông tin về đất đai và môi trường thông qua phương tiện thông tin đại chúng (đài, báo), việc tập huấn, hội thảo ít được tổ chức.

Ngoài ra, do tính phức tạp của pháp luật tài nguyên và môi trường; điều kiện địa lý, văn hóa, ngôn ngữ (nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa) là những khó khăn cho công tác truyền thông.

Tóm lại, các hình thức truyền thông chưa phong phú, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các hình thức truyền thông. Thông tin tuyên truyền chủ yếu theo chiều rộng, chưa thật sự đi vào chiều sâu, ít có sự tương tác giữa người truyền thông và đối tượng được truyền thông. Hệ thống phản hồi thông tin chưa được tổ chức bài bản, nên hiệu quả phản hồi thông tin chưa cao.

III. NGUYÊN TẮC, QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC :

1. Nguyên tắc:

- Xây dựng chiến lược truyền thông đất đai, môi trường phải phù hợp với Luật Đất đai 2003, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2005, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật khác có liên quan từ cấp trung ương đến cấp tỉnh ban hành.

- Hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng phải kết hợp được hoạt động của các cơ quan, các tổ chức chính trị - xã hội và các cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng tối ưu các nguồn lực sẵn có của tỉnh.

- Lồng ghép hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về pháp luật đất đai và môi trường trong các chương trình hoạt động có liên quan của tỉnh.

- Khuyến khích sự hợp tác, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức công nghiệp, kinh tế tạo ra nguồn tài chính thích hợp cho hoạt động truyền thông.

- Hoạt động truyền thông nâng phải đảm bảo được sự phản hồi tích cực của cộng đồng thông qua các đánh giá định kỳ. Trên cơ sở sự phản hồi của cộng đồng, hoạt động truyền thông phải có sự thay đổi thích hợp hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền thay đổi chính sách cho phù hợp với thực tế của địa phương.

2. Các quan điểm xây dựng chiến lược:

- CLTTNCNT là một phần không thể tách rời của Chiến lược Bảo vệ Môi trường cũng như các chính sách liên quan đến đất đai của tỉnh, nó là công cụ quan trọng cho các định hướng phát triển kinh tế của tỉnh một cách bền vững tới năm 2015 và tầm nhìn 2020

- Hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng trong chiến lược được yêu cầu thực hiện cho tất cả các đối tượng trong tỉnh, lĩnh vực công nghiệp, du lịch, các tổ chức, cộng đồng dân cư,...; nó đặc điểm của tỉnh, vùng, quốc gia và do vậy tính cần thiết phải có sự kết phối hợp của các tổ chức trong tỉnh, vùng và quốc gia.

- CLTTNCNT được phát triển trên cơ sở nâng cao năng lực của quản lý nhà nước, các tổ chức và khung thể chế cùng với sự tham gia tích cực của các tổ chức và cộng đồng dân cư.

- Tranh thủ các nguồn lực cho hoạt động truyền thông;

- Chọn lọc các sản phẩm truyền thông đã và đang thực hiện, cải tiến theo chiều sâu, có nội dung cụ thể đến từng đối tượng cụ thể trong khuôn khổ hoạt động của dự án SEMLA tại Bà Rịa – Vũng Tàu và các hoạt động của các dự án khác đã thực hiện.

3. Mục tiêu của chiến lược

a) Mục tiêu chung

Nâng cao nhận của người dân về đất đai và môi trường, thể hiện qua việc thay đổi hành vi, lối sống, tuân thủ luật pháp, tham gia tích cực vào hoạt động bảo vệ môi trường và quản lý đất đai.

b) Mục tiêu cụ thể tới năm 2015

Mục tiêu 1: Năng lực truyền thông đất đai và môi trường của các cán bộ các ban ngành liên quan và các cấp chính quyền đủ mạnh để có thể triển khai các chương trình truyền thông về đất đai và môi trường được kết phối hợp với nhiệm vụ chính trị của mình cũng như các chương trình kết phối hợp với các ban ngành liên quan.

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đảm bảo 100% cán bộ các ban ngành của tỉnh mà hoạt động có liên quan đến lĩnh vực truyền thông về đất đai và môi trường có trình độ đại học và được tham gia các khoá đào tạo về kỹ năng truyền thông.

- Đảm bảo 100% các thành phố/huyện, xã trong địa bàn tỉnh có đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên về đất đai và môi trường và được đào tạo qua các lớp về kiến thức và kỹ năng truyền thông về đất đai và môi trường.

- Đảm bảo 100% các xã, thị trấn được cung cấp các trang thiết bị cho các hoạt động truyền thông như loa, đài, tủ sách tìm hiểu về pháp luật đất đai môi trường....

Mục tiêu 2: Nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp về tài nguyên môi trường được nâng cao, trong đó chú trọng đến sản xuất sạch hơn, các sản phẩm thân thiện với môi trường và các chính sách về đất đai và môi trường của nhà nước

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đảm bảo 50% cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được phổ biến các chính sách về đất đai và môi trường;

- Đảm bảo 50% các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia các khoá đào tạo về sản xuất sạch hơn, kỹ thuật xử lý môi trường, quảng bá các sản phẩm thân thiện với môi trường;

Mục tiêu 3: Năng lực giáo viên được nâng cao để có thể triển khai các hoạt động ngoại khoá về giáo dục về tài nguyên môi trường trong các trường học phổ thông trung học, phổ thông cơ sở và tiểu học

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đảm bảo 100% giáo viên các cấp được đào tạo các chương trình ngoại khoá về tài nguyên và môi trường;

- Đảm bảo 100% các trường học phổ thông đưa chương trình giáo dục Môi trường và bảo vệ môi trường vào giảng dạy ngoại khoá

Mục tiêu 4: Công khai hoá các qui hoạch SDD, tăng cường đối thoại và lôi kéo được người dân tham gia vào công tác quản lý môi trường và đất đai

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- Đảm bảo 100% các qui hoạch sử dụng đất các cấp được công khai hoá và có ý kiến đóng góp của người dân.

- Duy trì tăng cường hoạt động phát sóng chương trình Tài nguyên môi trường trên đài truyền hình với thời lượng 30-40 phút/tuần và chương trình này được cải tiến theo chu kỳ 1 năm/lần để phù hợp với từng thời điểm phát triển và mức độ nhận thức của người dân

- Duy trì các hoạt động truyền thông giao lưu trực tuyến qua sóng phát thanh, truyền hình, trả lời trực tiếp các vấn đề bức xúc của người dân về môi trường đất đai của lãnh đạo các Sở ban ngành, các cấp chính quyền liên quan ít nhất 4 lần/năm

- Không còn người dân trong tình thừa kiện vượt cấp. Các vụ việc thừa kiện giữa các hộ gia đình với nhau được giải quyết ổn thỏa ở cơ sở;

Mục tiêu 5: Thực hiện các chương trình truyền thông có trọng điểm một cách có hiệu quả, kết hợp với các dự án/chương trình bảo vệ môi trường, nước sạch và vệ sinh môi trường, hỗ trợ cho các chỉ tiêu phát triển kinh tế và môi trường của tỉnh

Các chỉ tiêu cần đạt được:

- 100 % diện tích vườn quốc gia, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn được bảo tồn.

- 100% số hộ gia đình nông thôn sử dụng hố xí hợp vệ sinh

- 100 % dân số đô thị và nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh

c) Tâm nhìn tới năm 2020:

- Tổ chức hoạt động TTNCNTCĐ về đất đai và môi trường được thống nhất trong toàn tỉnh với nguồn nhân lực và kinh phí đủ mạnh để có thể triển khai các hoạt động truyền thông về ĐĐ&MT phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương.

- Các hoạt động TTNCNTCĐ được gắn kết chặt chẽ với các chương trình bảo vệ môi trường, phục vụ được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh song song với nhiệm vụ phát triển bền vững.

IV. CÁC NỘI DUNG NHIỆM VỤ CƠ BẢN :

1. Thể chế hoá và xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường

Rà soát lại các văn bản pháp qui đã ban hành liên quan đến các hoạt động TTNCNTCĐ về đất đai và môi trường, tổng hợp các số liệu, tài liệu và các hoạt động của các cơ quan có liên quan đến truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường. Trên cơ sở này xây dựng các nguyên tắc cho việc hợp tác dưới sự chỉ đạo chung của UBND Tỉnh, với sự điều phối của ban chỉ đạo TTNCNTCĐ mà thành viên được lấy từ các ban ngành có liên quan. Các kế hoạch về truyền thông của các ban ngành sẽ được thống nhất chung tránh sự chồng chéo.

Định kỳ hàng năm Ban chỉ đạo TTNCNTCĐ sẽ họp đánh giá các kết quả đạt được của các hoạt động trước đó, trên cơ sở đó định hướng cho việc xây dựng các kế hoạch tiếp theo, bám sát với các chỉ tiêu đã đề ra trong CLTTNCNTCĐ

2. Xây dựng năng lực truyền thông cho hệ thống TTNCNTCĐ về đất đai và môi trường

Điều tra thông tin cơ bản nhận thức về quản lý đất đai và môi trường của các ban ngành, các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh. Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến các kiến thức về pháp luật đất đai và môi trường, các kỹ năng truyền thông cho các cán bộ các sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể xã hội.

Tổ chức mạng lưới truyền thông từ cấp tỉnh cho tới các thành phố/huyện, xã và các thôn thông qua các các chân rết là các tổ chức đoàn thể xã hội như hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên,... Cung cấp các phương tiện truyền thông cho các tổ chức này như loa đài, tủ sách tìm hiểu về đất đai và môi trường cho tất cả các xã trong tỉnh

Xây dựng các tài liệu hướng dẫn truyền thông chuyên ngành cho các cán bộ làm công tác truyền thông:

- Truyền thông đất đai và môi trường cho Hội Nông dân
- Truyền thông đất đai và môi trường cho Hội Phụ nữ
- Truyền thông đất đai và môi trường cho Đoàn Thanh niên

3. Xây dựng và công khai hoá các quy trình thủ tục về tài nguyên và môi trường cho các tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh;

Thống kê, tổng hợp các văn bản và rà soát các quy trình thủ tục đất đai và môi trường từ cấp tỉnh, huyện, xã, điều chỉnh và xây dựng qui trình tự thủ tục trên nguyên tắc tăng cường sự tham gia của người dân trong công tác lập kế hoạch và thực hiện. Các thủ tục về thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về hỗ trợ đền bù và bố trí tái định cư, qui hoạch sử dụng đất, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường được điều chỉnh một cách phù hợp rõ ràng và công khai hoá;

4. Xây dựng đội ngũ giáo viên có đủ năng lực cho việc đào tạo giáo dục truyền thông tài nguyên và môi trường ngoại khoá đưa vào các trường học phổ thông ở các cấp.

Điều tra thông tin cơ bản nhận thức, kiến thức, kỹ năng tổ chức các lớp ngoại khoá về tài nguyên và môi trường của giáo viên các cấp và các hoạt động về giáo dục môi trường đã thực hiện trong các trường phổ thông. Tổ chức chương trình bồi dưỡng các kiến thức về tài nguyên môi trường cho các giáo viên phổ thông. Xây dựng các chương trình ngoại khoá về giáo dục học sinh phổ thông về đất đai và môi trường phù hợp với điều kiện hoàn cảnh và định hướng phát triển của tỉnh.

Các hoạt động ngoại khoá có thể tổ chức kết hợp với chương trình giảng dạy trên lớp như hoạt động trồng cây, vệ sinh môi trường, thi tìm hiểu về môi trường, thi vẽ tranh cổ động,...

5. Tổ chức truyền thông các chương trình có mục tiêu, kế hoạch về đất đai và môi trường phù hợp với hiện trạng của tỉnh và tổ chức tuyên truyền thường xuyên rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng các vấn đề tồn tại về đất đai và môi trường, các gương điển hình thực hiện tốt chính sách pháp luật nhà nước về quản lý đất đai và bảo vệ môi trường. Cải tiến và đa dạng hoá các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để dễ hiểu và gần gũi với quần chúng nhân dân như các tiểu phẩm, kịch ngắn, các tiết mục văn nghệ,...

Phổ biến và công bố rộng rãi các quy hoạch về tài nguyên và môi trường như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, đánh giá tác động môi trường chiến lược cho dự án quy hoạch sử dụng đất... trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Triển khai các dự án thí điểm và nhân rộng

Tiếp tục xây dựng các mô hình trình diễn về truyền thông kết phối hợp với các hoạt động của các dự án trọng điểm để giải quyết các vấn đề môi trường và đất đai. Đối với các dự án đã thực hiện, tổ chức đánh giá các kết quả đạt được và nhân rộng ra các khu vực khác.

7. Các chương trình truyền thông được lồng ghép với các hoạt động quản lý/chuyên môn khác

Tổ chức các hoạt động truyền thông gắn kết với các hoạt động quản lý của các ngành, trong đó tập trung vào các vấn đề ưu tiên như:

- Nâng cao nhận thức giá trị tài nguyên biển cho mọi cộng đồng dân cư ven biển;
- Tuyên truyền rộng rãi về chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ đến tầng lớp nhân dân;
- Hướng dẫn áp dụng chương trình sản xuất sạch hơn và phổ biến áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14000:2004;

- Phổ biến và tổ chức công bố các sản phẩm thân thiện với môi trường, đặc biệt là quảng bá các sản phẩm có thương hiệu và sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

- Lòng ghép tiêu chí môi trường để đánh giá thi đua ở các đơn vị.

- Nâng cao nhận thức về phát triển bền vững và kiến thức về chương trình Nghị sự 21 phục vụ công tác xây dựng kinh tế và phát triển xã hội theo hướng bền vững cho các cấp, các ngành.

- Cập nhật và đưa các thông tin về tài nguyên và môi trường của tỉnh vào trang website của các ngành, các cấp.

8. Nâng cao năng lực và phát huy vai trò Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường, Sở TNMT trong việc tuyên truyền pháp luật tài nguyên và môi trường đến cộng đồng dân cư trong tỉnh.

Điều chỉnh quy chế hoạt động của Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở TNMT, bổ sung chức năng, nhân lực và trang thiết bị phục vụ cho công tác truyền thông tài nguyên và môi trường. Trung tâm sẽ là nhân tố chính của Sở TNMT trong việc kết nối các hoạt động truyền thông về ĐĐ và MT trong toàn tỉnh. Thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về ĐĐ và MT cho các tổ chức, đoàn thể, cá nhân.

Trước mắt, thực hiện việc đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ công tác truyền thông về tài nguyên và môi trường cho các giảng viên là cán bộ, viên chức của Trung tâm, trên cơ sở đó, các giảng viên của Trung tâm có thể đi đào tạo cho các đối tượng khác trong tỉnh

Trung tâm sẽ xây dựng tạp chí Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hành 01lần/tháng và trang thông tin Tài nguyên và Môi trường phát hành 01lần/tuần phục vụ công tác quản lý tài nguyên môi trường.

9. Tăng cường các hoạt động truyền thông về tài nguyên và môi trường cho tuyến xã.

Thành lập các câu lạc bộ tài nguyên và môi trường ở cơ sở để hướng dẫn người dân các thủ tục về đất đai, tài nguyên và môi trường, các chính sách hỗ trợ bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Nòng cốt của các câu lạc bộ là các thành viên được lấy từ cán bộ của xã, phường, thị trấn và cán bộ đang công tác hoặc đã nghỉ hưu sinh sống trên địa bàn. Các hoạt động : tuyên truyền trên các bản tin của xã, phường, thị trấn. Xây dựng cơ chế thông tin phản hồi của người dân.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN :

1. Các giải pháp về quản lý và chỉ đạo công tác truyền thông đất đai và môi trường

- Đảm bảo sự hợp tác liên ngành giữa các Sở, Ban ngành, các tổ chức xã hội có liên quan đến công tác truyền thông đảm bảo cho sự thống nhất trong các hoạt động truyền thông.

- Mô hình tổ chức các hoạt động truyền thông của các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh về đất đai và môi trường được thiết lập và vận hành một cách thống nhất từ cấp tỉnh-thành phố/huyện- xã – thôn. Trong đó các hoạt

động này được kết phối hợp với nhau thông qua sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh với cơ quan điều phối, tư vấn về chuyên môn là Sở Tài nguyên Môi trường.

- Các kế hoạch truyền thông hàng năm của các sở ban ngành, đoàn thể được thiết lập. Các hoạt động truyền thông sẽ được báo cáo đánh giá và tư vấn bởi Sở TNMT.

- Sở TNMT là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các cơ quan TW, các sở ban ngành, các tổ chức đoàn thể xã hội, các cơ quan truyền thông thống nhất tổ chức thực hiện các nội dung và các giải pháp của chiến lược.

- Hình thành hệ thống tổ chức quản lý và chỉ đạo công tác truyền thông đất đai và môi trường từ tỉnh đến cơ sở. Thành lập Ban chỉ đạo công tác tuyên truyền ở các cấp. Đưa yêu cầu nhiệm vụ công tác tuyên truyền đất đai và môi trường vào Chỉ thị hằng năm của UBND tỉnh để chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Sở TNMT với các ngành, các cấp triển khai công tác tuyên truyền về đất đai và môi trường.

2. Giải pháp phân kỳ cho các nội dung hoạt động truyền thông

Các hoạt động truyền thông sẽ được nâng cấp theo từng giai đoạn cụ thể phù hợp với mục tiêu, kế hoạch và lộ trình thực hiện. Chiến lược truyền thông được chia ra thành 03 giai đoạn:

- Giai đoạn 1 (năm 2008 đến hết năm 2009): giai đoạn thiết lập thể chế, tổ chức hoạt động, nâng cao năng lực của các cơ quan và các đoàn thể liên quan. Tiếp tục xây dựng các mô hình thí điểm về truyền thông và nhân rộng một số dự án thí điểm đã hoàn thành

- Giai đoạn 2 (năm 2010 - 2015): giai đoạn xây dựng và hỗ trợ cộng đồng các công cụ truyền thông, duy trì các hoạt động truyền thông đã được thiết lập và nhân rộng các mô hình thí điểm.

- Giai đoạn 3 (từ năm 2015 trở đi): củng cố tổ chức tiếp tục các kế hoạch truyền thông phục vụ cho các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội và môi trường của tỉnh.

3. Giải pháp về tài chính

Tài chính thực hiện Chiến lược được huy động từ các nguồn sau :

- Đối với các hoạt động nằm trong nhiệm vụ, chức năng của sở, ban, ngành thì trích từ ngân sách chi thường xuyên của sở, ban, ngành nhưng có sự thống nhất chung trong chương trình của tỉnh, tránh sự chồng chéo lãng phí và phát huy được tối đa các nguồn lực cho TTNCNTCĐ về ĐDMT.

- Kêu gọi và tận dụng tối đa các nguồn kinh phí tài trợ từ các dự án/chương trình quốc tế và quốc gia, các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức kinh tế.

- Trích nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh, ngân sách của các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình bảo vệ môi trường ... của tỉnh cho các hoạt động truyền thông lồng ghép trong các chương trình đó.

- Đối với tài trợ của Chương trình SEMLA (giai đoạn 2008 - 2009). Hàng năm, nhóm chuyên đề TT sẽ tham mưu xây dựng các kế hoạch truyền thông cụ thể, trên cơ sở đó Chương trình sẽ cân đối vốn. Nguồn vốn này tập trung hỗ trợ tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ công chức; xây dựng các chương trình truyền thông trên các phương tiện thông tin; xây dựng và hỗ trợ hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên; xây dựng và hỗ trợ hoạt động của các điểm thông tin cơ sở; hỗ trợ đào tạo kỹ năng và phương tiện truyền thông cho đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên.

- Đóng góp của các cơ sở công nghiệp: các cơ sở công nghiệp là đối tượng truyền thông và nâng cao nhận thức, vì vậy việc huy động nguồn đóng góp từ các cơ sở này cho hoạt động là cần thiết và khả thi vì hoạt động truyền thông trực tiếp phục vụ lợi ích kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao được hình ảnh của doanh nghiệp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN :

1. Sở Tài nguyên và môi trường:

- Giúp UBND tỉnh xây dựng kế hoạch truyền thông từng giai đoạn, hàng năm để thực hiện Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường có hiệu quả, phù hợp với tình hình địa phương; hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường, định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện Chiến lược truyền thông về UBND tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Chương trình SEMLA.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan thực hiện các Chương trình truyền thông, kết hợp với các dự án, chương trình về quản lý đất đai, và bảo vệ môi trường.

- Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc xây dựng và triển khai các dự án thí điểm về truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng gắn với việc giải quyết các vấn đề về đất đai và môi trường.

- Có kế hoạch xây dựng, bồi dưỡng về nghiệp vụ truyền thông cho đội ngũ cộng tác viên truyền thông về đất đai và môi trường của tỉnh.

- Chủ động, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành trong việc tuyên truyền pháp luật về đất đai và môi trường đến cộng đồng dân cư ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, môi trường không còn phù hợp, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo tính chính xác của văn bản và bảo vệ được quyền lợi hợp pháp của Nhà nước và nhân dân.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Chương trình SEMLA lập dự trù kinh phí để triển khai thực hiện Chiến lược có hiệu quả trong thời gian thực hiện của dự án.

2. Sở Tư pháp:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành về lĩnh vực đất đai và môi trường không còn phù hợp với các văn bản hiện hành, để kịp thời kiến

ng nghị với UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp với các thành viên Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương và địa phương ban hành về lĩnh vực đất đai, môi trường bằng các hình thức khác nhau có hiệu quả.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Chủ động tổ chức giảng dạy kiến thức pháp luật về Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo phù hợp với các cấp học, bậc học và trình độ đào tạo theo hướng chủ động, tích cực của học sinh, tính thực tiễn trong bài giảng của giáo viên.

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan tiến hành đổi mới các hình thức giảng dạy pháp luật như: tăng cường các hoạt động ngoại khóa, tạo điều kiện cho học sinh tham gia các cuộc thi tìm hiểu tài nguyên, môi trường ...

- Có kế hoạch xây dựng, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên làm công tác truyền thông về đất đai và môi trường trong nhà trường.

- Tiến hành điều tra các thông tin cơ bản về nhận thức về tài nguyên, môi trường trong các bậc học, cấp học.

4. Sở Thông tin - Truyền thông, Báo BR-VT, Đài Phát thanh -

Truyền hình:-----

- Chủ động củng cố, phát triển đội ngũ phóng viên, biên tập viên chuyên trách về đất đai, môi trường, có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ báo chí bảo đảm tuyên truyền đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Duy trì và phát triển các chuyên trang, chuyên mục, tin tuyên truyền, phổ biến về pháp luật đất đai, môi trường phục vụ cán bộ, nhân dân trên các phương tiện thông tin như : báo, đài, báo điện tử...

- Củng cố và phát triển hệ thống thông tin lưu động đến các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Kịp thời biểu dương gương người tốt việc tốt, điển hình tiên tiến trong công tác truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Sở Lao động- Thương binh và Xã hội:

Chủ động phối hợp với Liên đoàn lao động tỉnh triển khai tuyên truyền các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân dân và người lao động trong các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng :

- Chủ động, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban, ngành trong tỉnh thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phù hợp với cảnh quan chung của toàn tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực cấp phép đầu tư ở địa phương.

- Thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật về đất đai, môi trường cho các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khi đến đăng ký kinh doanh, xin phép đầu tư, xây dựng nhằm đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển chung của tỉnh.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên:

- Chủ động, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai, môi trường.

- Xây dựng các mô hình truyền thông điểm tại một số xã, phường, thị trấn, thu hút đông đảo lực lượng nông dân, phụ nữ, thanh niên tham gia công tác truyền thông.

- Xây dựng mô hình thanh niên tình nguyện tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tìm hiểu các chính sách pháp luật về đất đai, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

8. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh :

Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai, môi trường trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ trách.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố :

Chủ động xây dựng và triển khai Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng về đất đai và môi trường giai đoạn 2008-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 trên địa bàn mình quản lý một cách cụ thể và có hiệu quả./.

**KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG: CÁC DỰ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH ƯU TIÊN TRONG
GIAI ĐOẠN 2008-2015**

TT	Tên dự án/chương trình	Mục tiêu	Nội dung	Dự kiến kết quả	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian	Nguồn tài chính
1	Thế chế hoá việc truyền thông nâng cao nhận thức về đất đai và môi trường và xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về đất đai và môi trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động TTNCNTCĐ trở thành các yêu cầu trong kế hoạch thường xuyên của các ban ngành liên quan - Đạt được sự thống nhất và kết phối hợp trong các kế hoạch truyền thông về ĐDMT của các ban ngành đoàn thể trong tỉnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, tổng hợp các số liệu, tài liệu của các cơ quan có liên quan đến truyền thông nâng cao nhận thức về tài nguyên và môi trường. - Xây dựng và phê duyệt kế hoạch hành động truyền thông về tài nguyên và môi trường. - Xây dựng kế hoạch phối hợp thực hiện công tác truyền thông tài nguyên và môi trường giữa Sở TNMT với các ngành, các cấp; 	Cơ chế điều phối hoạt động truyền thông nâng cao NTCĐ thống nhất trong toàn tỉnh	Sở TNMT	-Sở VH TT -Đài PTTT -Hội Nông dân - Hội Phụ Nữ	2008-2009	Ngân sách
2	Xây dựng Năng lực truyền thông: Nâng cao năng lực kỹ năng truyền thông về đất đai và môi trường cho các cán bộ ngành tài nguyên và môi trường; các tổ chức đoàn thể	<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng làm công tác truyền thông ĐDMT đủ mạnh để có thể thực hiện công tác truyền thông lồng ghép với các nhiệm vụ quản lý hiện tại và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra thông tin cơ bản nhận thức về tài nguyên và môi trường của cán bộ ngành tài nguyên và môi trường; các tổ chức đoàn thể trên địa bàn tỉnh. - Hướng dẫn các kiến thức cơ bản về đất đai và môi trường - Hướng dẫn nghiệp vụ kỹ năng nhận biết các vấn đề, giải pháp giải quyết vấn đề; - Hướng dẫn nghiệp vụ kỹ năng truyền thông. 	Năng lực của các cán bộ chuyên môn làm công tác truyền thông được nâng cao - Mạng lưới truyền	Sở TNMT	- Các Sở liên quan -Hội Nông dân - Hội Phụ nữ - UBND các huyện, thành phố, thị	2008-2012 (2008-2009 dùng ngân sách SEMLA trong các dự án thí	Dự án SEMLA + Ngân sách

	<p>trên địa bàn tỉnh: Xây dựng và củng cố đội ngũ công tác viên, báo cáo viên truyền thông cấp cơ sở</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng mô hình trình diễn sản phẩm truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng ở một xã ven biển làm mô hình điểm để tuyên truyền; - Xây dựng năng lực cho đội ngũ làm công tác truyền thông từ tỉnh đến cơ sở; (Có tham quan học tập kinh nghiệm địa phương bạn) - Xây dựng tủ sách và trang bị các tài liệu về pháp luật, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật về đất đai và môi trường đến các điểm văn hoá/thư viện tuyến xã. 	<p>thông từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở về ĐDMT được thiết lập và vận hành</p>		xã và xã	điểm, sau 2008 sẽ dùng ngân sách tỉnh để nhân rộng các dự án đào tạo của SEMLA	
3	<p>Hướng dẫn quy trình thủ tục về đất đai và môi trường cho các tổ chức kinh tế, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh;</p>	<p>Công khai hoá các thủ tục hành chính về ĐDMT</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra thông tin cơ bản nhận thức, kiến thức pháp luật về đất đai và môi trường của các tổ chức kinh tế, của cộng đồng dân cư - Thống kê, tổng hợp các văn bản và rà soát các quy trình thủ tục về tài nguyên và môi trường, - Hướng dẫn các trình tự thủ tục về thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về hỗ trợ đền bù và bố trí tái định cư. - Hướng dẫn trình tự thủ tục về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và có hiệu chỉnh cập nhật quy trình; 	<p>Quy trình, tục hành chính rõ ràng, dễ thực hiện</p>	Sở TNMT		2008-2020	Ngân sách + Lồng ghép nhiệm vụ quản lý nhà nước.

4	<p>Xây dựng đội ngũ giáo viên có đủ năng lực cho việc đào tạo giáo dục truyền thông về tài nguyên và môi trường ngoại khóa đưa vào các trường học của các cấp.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra thông tin cơ bản nhận thức, kiến thức, kỹ năng tổ chức các lớp ngoại khóa về tài nguyên và môi trường của giáo viên các cấp; - Xây dựng năng lực tổ chức các lớp ngoại khóa về tài nguyên và môi trường cho giáo viên các cấp - Các dự án thí điểm về hoạt động ngoại khóa tìm hiểu pháp luật ĐĐ và MT cho các trường phổ thông 		Sở Giáo dục và Đào tạo		2009-2010	Ngân sách
5	<p>Tổ chức truyền thông các chương trình có mục tiêu, kế hoạch về đất đai và môi trường phù hợp với hiện trạng của tỉnh và tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên báo đài.</p>	<p>Tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào công tác lập qui hoạch và thực hiện, quản lý qui hoạch</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến và công bố rộng rãi các quy hoạch về tài nguyên và môi trường như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; triển lãm lấy ý kiến đóng góp của người dân về các qui hoạch này 		Sở TNMT	Đài PTTH tỉnh, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, UBND các cấp	2008–2015	Dự án Semla + Ngân sách nhà nước
7	<p>Triển khai các dự án thí điểm và nhân rộng</p>	<p>Giải quyết các vấn đề tồn tại về môi trường và đất đai tại một số địa phương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân rộng mô hình nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn cho cộng đồng dân cư trên địa bàn các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc, Đất Đỏ và Long Điền. - Xây dựng mô hình tổ chức thanh niên xung kích tình nguyện hướng dẫn cộng đồng chính sách pháp luật về đất đai, 	<p>Năng lực của các cán bộ làm công tác TT tại các DA này được nâng cao và</p>	Sở TNMT, UBND các huyện, Đoàn TNCSH CM tỉnh		2008-2009	Dự án Semla + Ngân sách

			vận động cộng đồng tham gia hoạt động bảo vệ môi trường huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	nhân rộng ra các địa phương.				
8	Các chương trình truyền thông được lồng ghép với các hoạt động quản lý/chuyên môn khác	Nhận thức cộng đồng trong các khu vực ưu tiên được nâng cao	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao nhận thức giá trị tài nguyên vùng bờ cho mọi cộng đồng dân cư ven biển; - Nâng cao nhận thức giá trị tài nguyên vùng bờ cho tầng lớp học sinh trong trường PTTH; - Tuyên truyền rộng rãi về chương trình quản lý tổng hợp vùng bờ đến tầng lớp nhân dân; - Hướng dẫn áp dụng chương trình sản xuất sạch hơn và phổ biến áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14000:2004; - Phổ biến và tổ chức công bố các sản phẩm thân thiện với môi trường, đặc biệt là quảng bá các sản phẩm có thương hiệu và sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. - Lồng ghép tiêu chí môi trường để đánh giá thi đua ở các đơn vị . - Nâng cao nhận thức về phát triển bền vững và kiến thức về chương trình Nghị sự 21 phục vụ công tác xây dựng kinh tế và phát triển xã hội theo hướng bền vững cho các cấp, các ngành. - Nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các tổ chức y tế trên địa bàn tỉnh (bao gồm các tổ chức y tế tư nhân và nhà nước). 	Thực hiện thành công các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội và môi trường	Sở TNMT, Các Sở ban ngành liên quan (Sở Văn hoá Thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư)	Các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể và các tổ chức kinh tế có liên quan	2008 - 2015	- Ngân sách - Đóng góp của các dự án khác, các tổ chức Công nghiệp, kinh tế, và cá nhân

			- Cập nhập và đưa các thông tin về tài nguyên và môi trường của tỉnh vào trang website của các ngành, các cấp.					
9	Nâng cao năng lực và phát huy vai trò Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường trong việc tuyên truyền pháp luật tài nguyên và môi trường đến cộng đồng dân cư trong tỉnh.	Tăng cường chức năng và năng lực truyền thông ĐDMT cho TT TT Tài nguyên Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh quy chế hoạt động của Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường, bổ sung chức năng, nhân lực và trang thiết bị phục vụ cho công tác truyền thông đất đai và môi trường. - Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ công tác truyền thông về đất đai và môi trường cho đối tượng là cán bộ, viên chức của Trung tâm; - Xây dựng tạp chí Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát hành 01lần/tháng và trang thông tin Tài nguyên và Môi trường phát hành 01lần/tuần. 	-Tăng cường tính chuyên môn về ĐDMT trong công tác TT	Trung tâm Thông tin Tài nguyên và Môi trường		2009 - 2015	Ngân sách
10	Tăng cường các hoạt động thông tin tuyên truyền của ban phát thanh xã	Tạo ra kênh thông tin truyền thông liên tục đến tận người dân, phù hợp với từng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Lồng ghép với các chương trình phát triển khác để đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động truyền thông - Tổ chức phát thanh trên địa bàn xã, phường, thị trấn - Tăng cường thời lượng và nội dung thông tin - Phối hợp với truyền thông huyện thành lập nhóm truyền thông lưu động 	TT hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu phát triển KT-MT của các địa phương	UBND các xã, phường, thị trấn		2009-2015	Ngân sách
11	Xây dựng cơ chế thông tin phản hồi của người dân về truyền thông	Đảm bảo tính phản hồi và đánh giá được hiệu quả của hoạt động truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường phản ánh ý kiến của người dân trên truyền thông xã - Thu thập ý kiến người dân qua họp thôn ấp, khu phố - Mở hòm thư góp ý của người dân 	- Các kế hoạch, hoạt động truyền thông được	UBND các xã, phường, thị trấn		2009-2015	Ngân sách

		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bảng công cộng có chuyên mục ý kiến người dân - Thăm dò ý kiến người dân qua các cuộc họp của tổ dân cư, ý kiến của người dân trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường trong địa bàn dân cư, trong việc thực hiện chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường của chính quyền 	điều chỉnh cho phù hợp					9
--	--	---	------------------------	--	--	--	--	---

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thới